Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
GV: Nguyễn Thị Linh
Ngày soạn: 21/11/2026
Tiết PPCT: 24 ,25

BÀI 12: VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NGÀNH NÔNG NGHIỆP

(Thời gian thực hiện: 4 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển nền nông nghiệp ở nước ta.
- Trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và phát triển, phân bố nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi) thông qua bản đồ, bảng số liệu, tư liệu,....
- Nêu được xu hướng phát triển trong nông nghiệp nước ta.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ tự học: luôn chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ trong học tập.

+ Giao tiếp và hợp tác: trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận, lập luận, đánh giá vềcác vấn đề trong bài học.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong họctập, trong cuộc sống về ngành nông nghiệp.

- Năng lực đặc thù:

+ Nhận thức khoa học Địa lí: phân tích được đặc trưng trong phát triển ngành nông nghiệp của nước ta (thế mạnh, hạn chế, sự phát triển, phân bố và xu hướng phát triển).

+ Tìm hiểu địa lí: sử dụng bản đồ, bảng số liệu, tư liệu,... để trình bày sự phát triển, phân bố ngành nông nghiệp, khai thác internet phục vụ môn học, cập nhật thông tin và liên hệ thực tế.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến ngành nông nghiệp nước ta

*NLS: Tìm hiểu về NN thông minh(drone phun thuốc, bón phân, mô hình AI dự báo dịch bệnh ..)

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Yêu quê hương, đất nước.
- Nhân ái: Thái độ ứng xử đúng đắn với môi trường tự nhiên, xã hội.
- Trung thực: trung thực trong học tập, thẳng thắn thảo luận, góp ý, nhận xét.
- Chăm chỉ: có tinh thần tự học, tham gia nhiệt tình vào các hoạt động học tập.
- Trách nhiệm: có trách nhiệm đóng góp vào sự phát triển kinh tế nông nghiệp của đất nước, của địa phương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, TV.
- Bản đồ nông nghiệp, tranh ảnh về ngành nông nghiệp.
- Phiếu học tập, phiếu đánh giá.
- SGK Địa lí 12.

2. Học sinh

SGK Địa lí 12.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Ổn định lớp

B. Bài mới

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu:

- Gợi mở nội dung bài học mới.
- Tạo hứng thú cho HS trước khi bước vào tiết học.

b) Nội dung:

- Học sinh làm việc theo nhóm.
- Tham gia trò chơi **"TÔI YÊU QUÊ TÔI".**
- Nội dung trò chơi:

+ Học sinh xác định quê hương (địa phương/tỉnh thành trồng nhiều hoặc nổi tiếng) của các nông sản được cung cấp.

+ Giáo viên cung cấp hình ảnh các nông sản đặc trưng của một số tỉnh thành trong cả nước, khi mỗi hình ảnh xuất hiện, các nhóm có 15 giây hội ý và ghi kết quả ra giấy note.

STT	NÔNG SẢN	ĐỊA PHƯƠNG
1	Bưởi Năm roi	
2	Cà phê	
3	Chè Shan Tuyết	
4	Nước mắm nhĩ	
5	Gạo Nàng Thơm Chợ Đào	
6	Gạo ST	
7	Tiêu	
8	Nhãn lồng	
9	Vải thiều	
10	Chôm chôm	
11	Xoài cát Hòa Lộc	
12	Thanh long	

c) Sản phẩm:Kết quả tham gia hoạt động của học sinh.

STT	NÔNG SẢN	ĐỊA PHƯƠNG
1	Bưởi Năm roi	Vĩnh Long
2	Cà phê	Buôn Mê Thuột – Đăk Lăk
3	Chè Shan Tuyết	Hà Giang
4	Nước mắm nhĩ	Phú Quốc, Phan Thiết
5	Gạo Nàng Thơm Chợ Đào	Long An
6	Gạo ST	Sóc Trăng
7	Tiêu	Phú Quốc, Bình Phước
8	Nhãn lồng	Hưng Yên
9	Vải thiều	Lục Ngạn - Bắc Giang
10	Chôm chôm	Vĩnh Long
11	Xoài cát Hòa Lộc	Đồng Tháp
12	Thanh long	Bình Thuận, Long An

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện phương pháp trò chơi.

– Bước 1: Học sinh làm việc theo nhóm 4 thành viên, quan sát các hình ảnh được GV cung cấp.

– Bước 2: Các nhóm theo dõi các hình ảnh, mỗi hình ảnh có 15 giây suy nghĩ và ghi kết quả.

– Bước 3: Các nhóm chuyển phiếu kết quả sang nhóm bên cạnh theo chiều kim đồng hồ để chấm điểm, GV gọi 1 nhóm đọc kết quả và đưa thông tin phản hồi để đối chiếu.

– Bước 4: GV tổng kết hoạt động, dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu thế mạnh và hạn chế đối với phát triển nông nghiệp

a) Mục tiêu: Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển nền nông nghiệp ở nước ta.

b) Nội dung: Vẽ sơ đồ các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển nông nghiệp.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

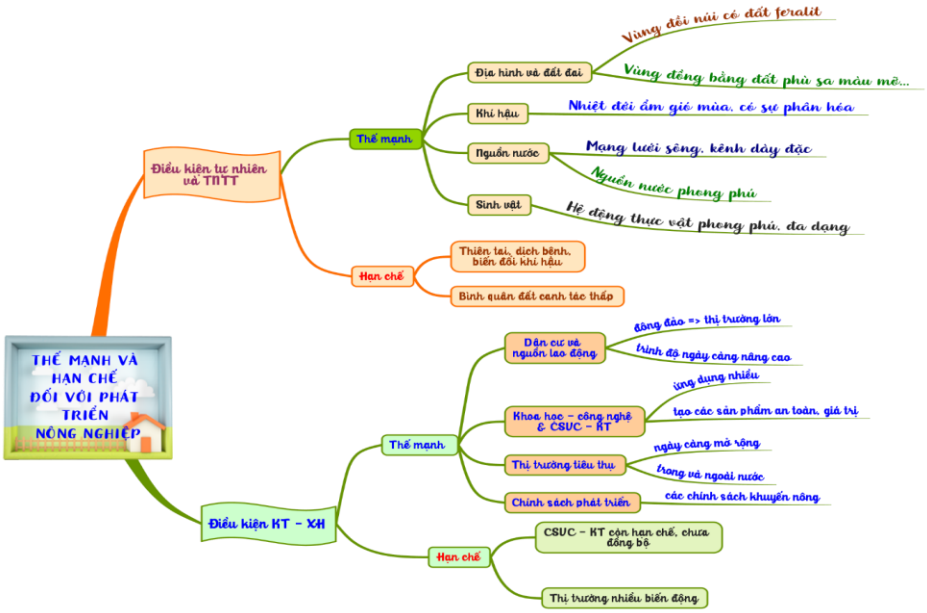

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kĩ thuật sơ đồ tư duy.

– Bước 1: GV giao nhiệm vụ, lớp chia thành 8 nhóm, sử dụng giấy A1 để vẽ sơ đồ các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển nông nghiệp.

(có thể thiết kế các dạng sơ đồ tư duy tùy ý như sơ đồ nhánh truyền thống, sơ đồ cây, sơ đồ luồng, sơ đồ bong bóng,…)

– Bước 2: Các nhóm thảo luận, phác họa và vẽ sơ đồ trong thời gian 10 phút.

– Bước 3: Các nhóm dán sản phẩm lên bảng, thực hiện phiếu chấm điểm và chấm điểm chéo theo phân công.

– Bước 4: GV cung cấp các thông tin cần có trong nội dung sơ đồ, các nhóm theo dõi và chấm điểm cho nhóm bạn theo phân công. GV chốt kiến thức hướng dẫn ghi bài.

Phiếu chấm điểm sơ đồ tư duy:

STT	Các tiêu chí	Mức điểm					
		5	4	3	2	1	0
1	Bố cục đẹp mắt, màu sắc sinh động, không rối						
2	Trả lời đầy đủ các câu hỏi gợi ý						
3	Nội dung rõ ràng						
4	Nhóm làm việc tích cực, không ồn ào						
5	**Điểm tổng**						

2.2. Tìm hiểu sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp

a) Mục tiêu: Trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi) thông qua biểu đồ, tư liệu,....

b) Nội dung: HS trả lời câu hỏi:

- *Dựa vào bảng 11.1, cho biết xu hướng chuyển dịch nông nghiệp thay đổi như thế nào?*
- *Định hướng phát triển nông nghiệp của nước ta trong tương lai có những đặc điểm nào?*

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN
II. Sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp - Cơ cấu nông nghiệp chuyển dịch theo hướng giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp. - Nông nghiệp đang phát triển mạnh theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung, quy mô lớn; hướng tới nông nghiệp thông minh, nông nghiệp bền vững; tham gia ngày càng sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Phân bố sản xuất nông nghiệp thay đổi phù hợp với điều kiện sinh thái, dưới tác động của khoa học – công nghệ và thu hút đầu tư.

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện phương pháp phát vấn.

– Bước 1: Cá nhân học sinh đọc mục II. để trả lời các câu hỏi:

1. Dựa vào bảng 11.1, cho biết xu hướng chuyển dịch nông nghiệp thay đổi như thế nào?

2. Định hướng phát triển nông nghiệp của nước ta trong tương lai có những đặc điểm nào?

– Bước 2: Học sinh trả lời câu hỏi theo chỉ định.

– Bước 3: GV chỉ định học sinh lên ghi bảng câu trả lời.

– Bước 4: GV giảng giải các vấn đề liên quan, tổng kết kiến thức, hướng dẫn ghi bài.

2.3. Tìm hiểu tình hình phát triển và phân bố nông nghiệp

a) Mục tiêu: Trình bày được sự phát triển, phân bố nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi) thông qua bản đồ, bảng số liệu, tư liệu,....

b) Nội dung: HS hoàn thành phiếu học tập – điền nội dung thích hợp vào các dấu … (mỗi học sinh được phát 1 phiếu để sử dụng làm phiếu ghi bài kẹp vào tập học).

PHIẾU HỌC TẬP 1 **1. Trồng trọt**	
Tình hình chung	
Tình hình cụ thể	- Cây lương thực: + Hiện trạng: + Phân bố:
	- Cây công nghiệp: > Cây công nghiệp lâu năm: + Hiện trạng: + Phân bố: > Cây công nghiệp lâu năm: + Hiện trạng: + Phân bố:
	- Cây ăn quả: + Hiện trạng: + Phân bố:
	- Cây rau, đậu và các cây trồng khác: > Cây rau, đậu: + Hiện trạng: + Phân bố: > Các cây trồng khác:

PHIẾU HỌC TẬP 2 **2. Chăn nuôi**	
Tình hình chung	
Tình hình cụ thể	- Chăn nuôi lợn, gia cầm: > Chăn nuôi lợn: + Hiện trạng: + Phân bố: > Gia cầm: + Hiện trạng: + Phân bố:
	- Chăn nuôi trâu, bò: > Chăn nuôi trâu: + Hiện trạng: + Phân bố: > Chăn nuôi bò:

	+ Hiện trạng: + Phân bố:
	- Chăn nuôi dê, cừu: + Hiện trạng: + Phân bố:

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN	
PHIẾU HỌC TẬP 1 **1. Trồng trọt**	
Tình hình chung	- Trồng trọt chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp. Ngành trồng trọt đang ứng dụng khoa học – công nghệ vào sản xuất nên hiệu quả sản xuất ngày càng được nâng cao. - Nhiều sản phẩm ngành trồng trọt là mặt hàng xuất khẩu có giá trị cao. - Cơ cấu cây trồng đang có sự chuyển đổi từ cây trồng có giá trị kinh tế và hiệu quả không cao sang cây trồng khác cho giá trị kinh tế và hiệu quả cao hơn, đáp ứng nhu cầu thị trường. - Cơ cấu cây trồng nước ta đa dạng.
Tình hình cụ thể	- Cây lương thực: + Hiện trạng: • Diện tích: diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt năm 2024 là 7998,8 nghìn ha, chiếm 55,3% tổng diện tích gieo trồng các loại cây trồng. Trong cơ cấu cây lương thực, cây lúa chiếm vị trí chủ đạo (chiếm 89,1% diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt). Diện tích gieo trồng lúa có xu hướng giảm. • Năng suất: năng suất lúa không ngừng tăng lên. + Phân bố: Đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất lương thực lớn nhất, Đồng bằng sông Hồng là vùng sản xuất lương thực lớn thứ hai.
	- Cây công nghiệp: diện tích cây công nghiệp là 2588,9 nghìn ha, chiếm 17,9% tổng diện tích gieo trồng (năm 2024). > Cây công nghiệp lâu năm: + Hiện trạng: chiếm 83,8% tổng diện tích cây công nghiệp (năm 2024). Mở rộng, hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm quy mô lớn như cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, chè,... Việt Nam là quốc gia xuất khẩu cà phê, hồ tiêu và điều hàng đầu thế giới. + Phân bố: cà phê, cao su, hồ tiêu, điều ở Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; chè ở Trung du và miền núi phía Bắc, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. > Cây công nghiệp lâu năm: + Hiện trạng: phát triển không ổn định, diện tích có xu hướng giảm. Các cây công nghiệp hàng năm chủ yếu là mía, đậu tương, lạc, bông, đay, cói, dâu tằm,... + Phân bố: mía ở Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ, Bắc Trung Bộ; lạc ở vùng Bắc Trung Bộ; đậu tương ở Trung du và miền núi phía Bắc,...
	- Cây ăn quả: + Hiện trạng: có diện tích tăng nhanh, chiếm gần 9% tổng diện tích gieo trồng năm 2024. Các loại cây ăn quả được trồng tập trung là cam, chuối, xoài, nhãn, vải thiều, chôm chôm, dứa, sầu riêng..... Các mô hình trồng cây ăn quả hữu cơ, VietGAP, công nghệ cao được áp dụng rộng rãi để nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. + Phân bố: Đồng bằng sông Cửu Long, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Trung du và miền núi phía Bắc.
	- Cây rau, đậu và các cây trồng khác: > Cây rau, đậu: + Hiện trạng: Diện tích cây rau đậu ngày càng tăng. Xu hướng phát triển các vành đai cây rau đậu ven các thành phố lớn đang được đẩy mạnh, áp dụng các kĩ thuật canh tác theo hướng công nghệ cao, tạo ra sản phẩm an toàn, có chất lượng.

	+ Phân bố: Cây rau đậu được trồng rộng khắp, tập trung nhiều ở Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng. > Các cây trồng khác: như cây dược liệu cũng được chú ý phát triển, tạo nên các sản phẩm đặc thù ở một số địa phương như: Lào Cai, Lai Châu, Đắk Lắk, Quảng Ngãi,...

PHIẾU HỌC TẬP 2 **2. Chăn nuôi**	
Tình hình chung	- Ngành chăn nuôi ngày càng có vai trò quan trọng, chiếm 30,6% tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp (năm 2024). - Ngành chăn nuôi đã có những chuyển biến tích cực: kĩ thuật và công nghệ tiên tiến được áp dụng vào các mô hình trang trại; chăn nuôi theo hướng hữu cơ, chăn nuôi an toàn để kiểm soát dịch bệnh; tăng cường chế biến sâu, gắn với phát triển thị trường tiêu thụ.
Tình hình cụ thể	- Chăn nuôi lợn, gia cầm: > Chăn nuôi lợn: + Hiện trạng: là vật nuôi lấy thịt quan trọng nhất ở nước ta. Năm 2024, đàn lợn là 26519,4 nghìn con, cung cấp trên 62,8% sản lượng thịt các loại. + Phân bố: Trung du và miền núi phía Bắc, Đông Nam Bộ. > Gia cầm: + Hiện trạng: số lượng gia cầm tăng nhanh. Năm 2024, tổng đàn gia cầm là 584,1 triệu con. + Phân bố: gà được nuôi nhiều ở vùng Đồng bằng sông Hồng, Trung du và miền núi phía Bắc. Vịt được nuôi nhiều nhất ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
	- Chăn nuôi trâu, bò: > Chăn nuôi trâu: + Hiện trạng: số lượng trâu có xu hướng giảm, năm 2024 tổng đàn trâu là 2032,4 nghìn con. + Phân bố: Trung du và miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ. > Chăn nuôi bò: + Hiện trạng: Số lượng bò tăng nhanh trong thời gian gần đây và được nuôi theo hướng chuyên môn hoá. Năm 2024 tổng đàn bò là 6212,2 nghìn con. + Phân bố: Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Trung du và miền núi phía Bắc.
	- Chăn nuôi dê, cừu: + Hiện trạng: cũng đang được phát triển trong những năm gần đây ở một số địa phương. + Phân bố: dê ở Tuyên Quang, Nghệ An, Khánh Hòa,...; cừu ở Khánh Hòa, Lâm Đồng,...

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kĩ thuật chia sẻ cặp đôi.

– Bước 1: GV giao nhiệm vụ, học sinh đọc nội dung mục III, mỗi HS nhận một phiếu học tập, thảo luận cặp đôi với bạn bên cạnh để hoàn thành phiếu học tập.

– Bước 2: Học sinh thảo luận, điền nội dung vào 1 phiếu bằng bút chì để có thể chỉnh sửa, lưu làm nội dung học tập.

– Bước 3: GV chỉ định học sinh lên ghi bảng câu trả lời.

– Bước 4: GV giảng giải các vấn đề liên quan, tổng kết kiến thức, hướng dẫn ghi bài.

GV lồng ghép kiến thức bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai trong nội dung III. Hiện trạng phát triển và phân bố:

- Trình bày được việc phát triển (trồng trọt, chăn nuôi) có tác động đến môi trường.
- Giải pháp phát triển (trồng trọt, chăn nuôi) góp phần bảo vệ môi trường và giảm nhẹ thiên tai.

GV lồng ghép kiến thức về quản lý chất thải rắn sinh hoạt tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 trong nội dung Hiện trạng phát triển và phân bố: Trình bày giải pháp phát triển (trồng trọt, chăn nuôi) góp phần bảo vệ môi trường và không sử dụng hóa chất, bao bì ni lông.

2.4. Tìm hiểu xu hướng phát triển

a) Mục tiêu: Nêu được xu hướng phát triển trong nông nghiệp nước ta.
Rèn luyện NL số: Tìm hiểu nn thông minh…
b) Nội dung: HS đọc SGK, xem video, nhận xét, rút ra kết luận: ***video về tam nông...***

https://www.youtube.com/watch?v=GDDWwXivSh4



https://www.youtube.com/watch?v=2S9YBLnKQh8

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN
IV. Xu hướng phát triển - Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị theo hướng nâng cao năng lực cạnh tranh. Sản xuất gắn với bảo quản sau thu hoạch, đẩy mạnh công nghiệp chế biến và phát triển thị trường nông sản cả trong và ngoài nước; bảo đảm an toàn thực phẩm, an ninh lương thực quốc gia; tăng cường phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ; bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu;... - Chuyển tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường; phát huy lợi thế vùng, miền, địa phương, tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị. - Phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, hiện đại, song hành với quá trình đô thị hoá; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp, giữa phát triển nông thôn bền vững với quá trình đô thị hoá theo hướng "nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh".

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện phương pháp trực quan.
– Bước 1: GV giao nhiệm vụ, học sinh đọc nội dung mục III, xem video, trình bày xu hướng phát triển nông nghiệp nước ta hiện nay.
– Bước 2: HS đọc SGK, theo dõi các đoạn video, tìm câu trả lời.
– Bước 3: GV chỉ định học sinh trả lời.
– Bước 4: GV giảng giải các vấn đề liên quan, tổng kết kiến thức, hướng dẫn ghi bài.

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học về ngành nông nghiệp.
b) Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi:

1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu HS chọn 1 phương án đúng.

Câu 1. Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản có vai trò nào sau đây?
A. Sử dụng hợp lí lao động chất lượng cao ở nông thôn.
B. Cung cấp tư liệu sản xuất cho các ngành kinh tế khác.
C. Đóng góp tỉ trọng cao trong cơ cấu GDP ở nước ta.
D. Tạo cơ sở chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế nông thôn.

Câu 2. Thế mạnh về điều kiện kinh tế - xã hội trong phát triển nông nghiệp ở nước ta hiện nay là
A. nguồn lao động dồi dào, nhiều kinh nghiệm trong sản xuất.
B. phần lớn sản phẩm nông nghiệp đã đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.
C. cơ sở vật chất kĩ thuật hiện đại ở tất cả các vùng sản xuất.
D. thị trường xuất khẩu nông sản rộng lớn và tương đối ổn định.

Câu 3. Khó khăn lớn nhất trong sản xuất cây công nghiệp ở nước ta là
A. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. **B.** địa hình chủ yếu là đồi núi.

C. thị trường thế giới biến động. **D.** thiếu lao động có trình độ.

2. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, HS chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Nước ta có 3/4 diện tích là đồi núi, chủ yếu là đồi núi thấp, một số vùng có các cao nguyên (Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên). Khu vực này có đất feralit là chủ yếu, thuận lợi cho trồng cây công nghiệp, cây ăn quả; có các đồng cỏ lớn thích hợp để phát triển chăn nuôi gia súc lớn.

a) Địa hình là một trong các thế mạnh tự nhiên để phát triển nông nghiệp nước ta.

b) Địa hình đồi núi với đất feralit chiếm diện tích lớn thuận lợi cho phát triển các loại cây lâu năm.

c) Cao su là cây công nghiệp phát triển chủ yếu trên đất đá vôi và đất xám trên phù sa cổ ở nước ta.

d) Chăn nuôi gia súc lớn tập trung chủ yếu ở vùng núi trên cơ sở các đồng cỏ rộng, phân bố chủ yếu ở các cao nguyên.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Diện tích cây lâu năm của nước ta phân theo nhóm cây giai đoạn 2010 - 2022

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	2010	2015	2020	2022
Cây lâu năm	2 010,5	2 154,5	2 185,8	2 193,0
Cây ăn quả	779,7	824,4	1 135,2	1 221,4

a) Diện tích cây ăn quả luôn lớn hơn so với cây lâu năm.

b) Diện tích cây lâu năm có xu hướng giảm nhanh.

c) Cây ăn quả tăng nhiều và nhanh hơn so với cây lâu năm trong giai đoạn 2010 - 2022.

d) Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện quy mô diện tích cây lâu năm và cây ăn quả của nước ta qua các năm.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

1D, 2A, 3C.

2. Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Đáp án: a,b,d đúng; c : sai.

Câu 2. Đáp án: c,d đúng; a,b : sai.

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện phương pháp vấn đáp.

– Bước 1: GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi.

– Bước 2: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

– Bước 3: GV mời một số HS trình bày, HS khác bổ sung.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS: Sưu tầm thông tin, tìm hiểu xu hướng phát triển trồng trọt của nước ta hiện nay.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN

Xu hướng phát triển trồng trọt

Trong lĩnh vực trồng trọt đã đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến; do làm tốt công tác phòng trừ sâu bệnh nên sản lượng và chất lượng nhiều loại cây trồng có giá trị kinh tế tăng. Tỷ trọng gạo chất lượng cao chiếm trên 80% gạo xuất khẩu, giúp nâng giá gạo xuất khẩu bình quân tăng từ 502 USD/tấn năm 2018 lên 510 USD/tấn năm 2019. Đặc biệt, giống gạo ST25 được công nhận là "gạo ngon nhất thế giới năm 2019" tại Hội nghị Thương mại gạo thế giới lần thứ 11 tổ chức tại Phi-lip-pin.

Việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) ngày càng mở rộng và hiệu quả mang lại sản phẩm an toàn, chất lượng tốt, năng suất cao. Bên cạnh đó, việc mở rộng ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào trồng trọt cùng với kết quả nghiên cứu, đánh giá, triển khai mô hình cánh đồng mẫu lớn đã đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị,…

Ngoài ra, xu hướng trồng trọt hữu cơ cũng đang được phát triển, cả nước có hàng trăm cơ sở sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Bến Tre hiện là tỉnh có diện tích trồng trọt hữu cơ nhiều nhất nước với hơn 3.000 ha, trong đó chủ yếu là diện tích trồng dừa hữu cơ. Ninh Thuận là tỉnh có diện tích trồng

trọt theo hướng hữu cơ nhiều nhất khu vực Nam Trung Bộ với gần 500 ha cây ăn trái như nho, táo, trong đó riêng diện tích trồng nho theo hướng hữu cơ 285 ha.

d) Tổ chức thực hiện:

– Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà làm việc, gợi ý những nguồn thông tin tham khảo.
– Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.
– Bước 3: HS nộp bài lên nhóm lớp.
– Bước 4: GV nhận xét bài làm của HS.

C. Hướng dẫn về nhà

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: Bài 13: Vấn đề phát triển ngành lâm nghiệp và thủy sản.

Duyệt của TTCM